

SỞ Y TẾ BẮC GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LỤC NGẠN

Số: 238 / TTYT-TCKT

V/v công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách quý 1/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị xã chủ, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Kính gửi:

- Lãnh đạo Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn;
- Các khoa, phòng;
- Trạm Y tế các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện thu chi ngân sách quý 1/2025

Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2025 như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Trên đây là nội dung thông báo của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Trung tâm Y tế;
- Lưu: VT, TCKT

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

Biểu số 03

(Ban hành kèm theo TT 90/ 2018/TT-BTC ngày 28/9/2018
của Bộ tài chính

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Quý 1 năm 2025

(Kèm theo công văn số: 238 TCKT-TTYT ngày 14/ 4/2025 của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện Q1/2025	So sánh (%)	
				ước thực hiện Q1/2025/Dự toán năm 2024 (tỷ lệ %)	ước thực hiện Q1/2025 so với năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí; thu dịch vụ và thu khác				
I	Số thu viện phí, lệ phí; thu dịch vụ	115.880.000	30.228.207	26,09	108,05
1	Thu từ dự phòng	1.050.000	257.591	24,53	95,16
	Thu dịch vụ từ dự phòng (DV vắc xin)	480.000	143.865		
	Thu từ dự phòng (Methadone)	570.000	113.726		
2	Thu từ Điều trị	108.950.000	28.580.490	26,23	108,90
	Thu từ người bệnh	11.000.000	3.708.691		
	Thu từ KCB BHYT	95.000.000	24.221.480		
	Thu từ điều trị (Nhà xe, căng tin, quầy thuốc)	950.000	284.967		
	Giường XHH, dịch vụ, chọn bs, tắm bé, Plassma	2.000.000	365.352		
3	Thu từ KCB BHYT của Trạm Y tế xã	5.880.000	1.390.126	23,64	95,19
II	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí; thu dịch vụ (1+2+3)	115.635.000	26.214.627	22,67	108,04
1	Thu từ dự phòng	955.000	92.025	-	108,08
	Dịch vụ từ dự phòng (DV vắc xin)	385.000			
	Dịch vụ dự phòng (Methadone)	570.000	92.025		

2	Thu từ Điều trị	108.800.000	25.285.551	23,24	111,30
	Thu từ người bệnh	11.000.000	-		
	Thu từ KCB BHYT	95.000.000	25.125.030		
	Thu từ điều trị (Nhà xe, căng tin, quầy thuốc)	840.000			
	Giường XHH, dịch vụ, chọn bs, tắm bé, Plassma	1.960.000	160.521		
3	Thu từ Trạm y tế xã	5.880.000	837.051	14,24	57,32
III	Số phí, lệ phí nộp Ngân sách nhà nước	245.000	54.283	22,16	106,71
	Dịch vụ vắc xin	95.000	19.849		
	Thu từ điều trị (Nhà xe, căng tin, quầy thuốc)	110.000	27.126		
	Giường XHH, dịch vụ, chọn bs, tắm bé, Plassma	40.000	7.307		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước cấp	64.832.887	11.828.053	18,24	128,04
I	Nguồn ngân sách nhà nước	64.832.887	11.828.053	18,24	128,04
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	64.832.887	11.828.053	18,24	128,04
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (a+b+c)	60.406.000	11.828.053	19,58	128,04
a	Kinh phí phòng bệnh(423 130-131)	14.875.000	1.438.551	9,67	122,74
	Kinh phí thực hiện tự chủ	14.875.000	1.438.551		
b	Kinh phí khám bệnh(423-130-132)	40.175.000	9.140.359	22,75	127,35
	Kinh phí tự chủ	40.175.000	9.140.359	22,75	127,35
	Tự chủ TYT xã chi cho con người	38.609.000	9.023.785		
	Kinh phí chi TX Trạm y tế xã	1.566.000,0	116.574,9		
c	Dân số -KHHGD (423-130-151)	5.356.000	1.249.142	23,32	140,56
	KP tự chủ dân số huyện	1.336.000	287.887		
	KP tự chủ dân số xã	4.020.000	961.255		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.426.887	-	-	

*	Kinh phí không TX (423-130-131)	1.795.887	-	-	
a	Chương trình MTQG tiểu Dự án 3, tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng				
	Dự 2024 chuyển sang	711.387			
b	Tiền thưởng theo QĐ 73	802.000		-	
c	Kinh phí khắc phục thiệt hại do bão số 3 2024 chuyển sang	282.500			
*	Kinh phí không TX (423-130-132)	2.333.000		-	
a	Thuê phần mềm quản lý hồ sơ điện tử	270.000		-	
b	Kinh phí khắc phục thiệt hại do bão số 3 dự 2024 c sang	195.000	-		
c	Tiền thưởng theo QĐ 73 Trạm y tế	1.868.000		-	
*	Kinh phí không TX(423-130-151)	298.000	-	-	
a	Tiền thưởng theo QĐ 73 dân số huyện	71.000		-	
b	Tiền thưởng theo QĐ 73 dân số xã	227.000		-	